

Bản án số: 42/2017/HSST
Ngày: 26-6-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Tư**.
2. Bà **Nguyễn Thị Lệ Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bé Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Tuyết Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long tiến hành xét công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: Nguyễn D (tên gọi khác: Long), sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vinh Long; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con của ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Bé N1, sinh năm 1963; Anh, chị, em ruột: 03 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1990); Tiền án: 01 lần vào ngày 20-10-2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Nhân thân: Ngày 13-12-2012 bị đưa đi cai nghiện bắt buộc đến ngày 10-12-2014 về địa phương; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ - tạm giam từ ngày 07-12-2016 đến nay, được trích xuất dẫn giải đến phiên tòa.

2. Bị cáo thứ hai: Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vinh Long; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe taxi; Con của ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1950 và bà Lê Thị B, sinh năm 1954; Anh, chị, em ruột: 04 người (lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1986); Vợ: Phạm Thị Th, sinh năm 1987; Có 02 con sinh năm 2009 và 2015; Tiền án - tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo thứ ba: Đoàn Việt N (tên gọi khác: Chó con), sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số 29/18A, khóm 1, phường C, thành phố VL, tỉnh Vinh Long; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 5/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con của ông Đoàn Việt L, sinh năm 1965 và bà Lê Thị

Hoàng Y, sinh năm 1966; Anh, chị, em ruột: 02 người (lớn nhất 28 tuổi, nhỏ nhất là bị cáo); Tiền án - tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ- tạm giam từ ngày 09-12-2016 đến nay, được trích xuất dẫn giải đến phiên tòa.

4. Bị cáo thứ tư: Huỳnh Hữu T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số 3/15, đường Trần Phú, khóm 3, phường D, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Mua bán; Con của ông Huỳnh Hữu Đ, sinh năm 1959 và bà Lê Thị H1, sinh năm 1964; Anh, chị, em ruột: Không có; Tiền án - tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ - tạm giam từ ngày 07-12-2016 đến 26-12-2016 hủy bỏ tạm giam đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lôi Thị Dung - Văn phòng luật sư Lôi Thị Dung, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

*** Người bị hại:**

1/ **Võ Văn C**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2/ **Nguyễn Thanh T2**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 25, khóm 5, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ **Công ty TNHH ô tô H.A**, Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn Th - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72, đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền ông Phan Văn Tr - Chức vụ: Giám đốc công ty.

Ông Tr ủy quyền lại cho ông Trần Công Tr1 - Chức vụ: Nhân viên kinh doanh khu vực 5 - **Công ty TNHH ô tô H.A, chi nhánh Tiền Giang** - Trung tâm dịch vụ 2S (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Bạch Thị Cẩm H2**, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 3/15, đường T, khóm 3, phường D, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3/ **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 130, đường K, phường Đ, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

*** Người làm chứng:**

1/ **Bạch Văn L1** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Đ8/28A, khu phố 4, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ **Nguyễn Thị Quỳnh H3** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D31/4, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ **Trần Phương B1** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 40, khu phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn D, Nguyễn Hoàng H, Huỳnh Hữu T và Đoàn Việt N bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố về hành vi phạm tội như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26-11-2016, Nguyễn D (tên gọi khác là Long) điện thoại kêu H chạy xe taxi đến rước D tại cầu Chợ Cua thuộc phường D, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó, H điều khiển xe taxi M loại 07 chỗ ngồi biển số 67L1- 9461 đến rước D. Khi đi D mang theo kèm cộng lực, lên xe thì D kêu H chở xuống thị xã B để lấy trộm cây mai vàng. Khi H điều khiển xe đến Đài phát thanh thị xã B là khoảng 22 giờ, D chỉ chỗ cho H biết là nơi trộm cắp cây mai rồi cả hai quan sát thấy các quán cà phê xung quanh vẫn còn đông khách chưa tiến hành trộm được nên đi uống cà phê rồi vào Bến xe thị xã B ngủ chờ đến khuya vắng người sẽ quay lại thực hiện.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 27-11-2016, D và H thức dậy quay lại Đài phát thanh thị xã B thì thấy các quán cà phê xung quanh đã đóng cửa, đường vắng người nên H dừng lại cho D xuống xe rồi chạy xe đậu cách Đài phát thanh thị xã B khoảng 50 mét chờ. D đi vào dùng kiếm cắt hàng rào lưới B40 đột nhập vào trong rồi đi đến chậu mai vàng của anh Nguyễn Thanh T2 ngụ tổ 23, khóm 5, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã gửi nhờ trong sân, D nhổ gốc cây mai lên khỏi chậu rồi mang ra xe taxi, D chỉ đường cho H chạy đến nhà của ông Nguyễn Văn V tại số 130, đường K, phường Đ, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long để bán cây mai vàng được số tiền 3.500.000 đồng. D chia cho H là 2.000.000 đồng bao gồm tiền xe taxi, còn 1.500.000đ thì D tiêu xài cá nhân hết. Riêng H, sau khi thanh toán tiền cho công ty taxi là 1.050.000đ, còn lại 950.000đ thì H tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số: 08/KL - ĐGTS ngày 04-01-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long kết luận cây mai vàng các bị cáo đã chiếm đoạt có giá trị là 15.000.000 đồng. Tài sản thu hồi trả lại cho người bị hại là Nguyễn Thanh T2, anh T2 không yêu gì khác.

Đối với Nguyễn Văn V khi mua cây mai vàng do D bán không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên Nguyễn Văn V không bị xử lý. Đối với số tiền 3.500.000 đồng anh V đã bỏ ra để mua cây mai vàng anh V không yêu cầu D bồi thường.

2. Vụ thứ hai:

Vào khoảng 13 giờ ngày 02-12-2016, Nguyễn D điện thoại rủ Đoàn Việt N (tên gọi khác: Chó con) cùng thuê xe taxi biển số 67L1 - 9461 do Nguyễn Hoàng H điều khiển, mục đích là chở D và N đi Thành phố Hồ Chí Minh tìm nơi trộm cắp tài sản. Khi đi D có mang theo một cây kèm cộng lực dài khoảng 30 cm. Khi đến huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh không tìm được tài sản để trộm nên D kêu H điều khiển xe trở về Vĩnh Long. Trên đường về ngang qua Công ty TNHH ô tô H.A chi nhánh Tiền Giang thuộc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Lúc này khoảng 00 giờ 30 phút ngày 03-12-2016 thì phát hiện bên trong hàng rào có nhiều xe ô tô đậu, lúc này D kêu H dùng xe đậu vào lề gần cổng rào công ty để chờ, còn D cầm

cây kèm cộng lực đi lại cắt hàng rào lưới B40 đột nhập vào trong đi đến vị trí xe đầu kéo nhãn hiệu CHENGLONG (xe chưa đăng ký biển số) D dùng kèm cắt dây điện lấy được 01 bình ắc quy mang ra xe taxi thì N cùng D khiêng bình để lên phía sau xe. Sau đó, N cùng D quay trở vào tiếp tục cắt dây điện lấy bình ắc quy thứ hai mang ra để lên xe taxi rồi H điều khiển xe tiếp tục chở cả 03 về Vĩnh Long. Trên đường về, D điện thoại cho Huỳnh Hữu T để bán 02 bình ắc quy thì T đồng ý mua và kêu D chở đến nhà T để bán. Trên đường đi đến Bến xe Vĩnh Long thì H dừng xe cho N mang cây kèm cộng lực đi xe ôm về nhà, còn H tiếp tục chở D đến đầu hẻm vào nhà của T trên đường T, khóm 3, phường D, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long, D điện thoại cho T chạy xe honda ra gặp D để mua 02 cái bình giá thỏa thuận là 1.800.000 đồng, T mang 02 cái bình ắc quy về nhà T và hẹn D sáng sẽ tính tiền thì D đồng ý. Đến 14 giờ ngày 03-12-2017, T trả tiền đủ cho D, số tiền này D cất giữ.

Theo kết luận định giá tài sản số: 06/KL - HĐĐG, ngày 06-01-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Tiền Giang kết luận 02 bình ắc quy do các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 5.400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long đã thu hồi trả lại 02 bình ắc quy cho Công ty TNHH ô tô H.A.

Đối với Huỳnh Hữu T khi mua 02 cái bình do D bán không biết đây là tài sản do D trộm cắp mà có, D xác định không nói với T là tài sản trộm nên không đủ căn cứ để xử lý hành vi tiêu thụ tài sản của T.

3. Vụ thứ 3:

Trước ngày 03-12-2016 khoảng 10 ngày, D và T đi uống cà phê với nhau gần cửa hàng bán bình ắc quy của T. Trong lúc uống cà phê, T nói với D là cửa hàng Nguyên Võ bán bình phá giá làm T không bán được bình. Nghe nói vậy nên D có ý định trộm cắp bình của cửa hàng Nguyên Võ để bán cho T và T hứa với D khi nào trộm được thì “đem đến cho T tính”, tức là có tài sản đem đến T sẽ mua nên lúc 02 giờ ngày 03-12-2017, sau khi D gặp và hỏi T về cửa hàng bán bình ắc quy Nguyên Võ có người ngủ giữ không thì T trả lời “không biết”, D kêu T đợi D xem tình hình cửa hàng Nguyên Võ sẽ điện thoại lại cho T biết. D lên xe kêu H chạy đến cửa hàng “Nguyên Võ” tại số 24, đường Đ, phường K, thành phố VL, trên đường đi D điện thoại kêu N về nhà lấy cây kèm cộng lực loại lớn hơn dài khoảng 50 cm mà D gửi trước đó kêu đem đến cây xăng ngang bến xe Vĩnh Long đưa D.

Khi H và D đến cây xăng ngang bến xe Vĩnh Long thì gặp N đã mang cây kèm đến chờ sẵn, H điều khiển xe chở D và N đến cửa hàng Nguyên Võ tại số 24, đường Đ, phường K, thành phố VL. Sau đó, H dừng xe lại để xem thì thấy cửa khóa ngoài, D điện thoại cho T hỏi “cửa khóa ngoài, có người ngủ không”, thì T trả lời “đóng cửa ngoài sao có người ngủ được”. Nghe vậy, D kêu H đậu xe taxi trên vỉa hè ngay trước cửa hàng Nguyên Võ. Lúc này là khoảng 02 giờ 30 ngày 03-12-2016, D và N xuống xe dùng kèm cộng lực cắt khoen ổ khóa cửa chính xong thì phát hiện có ổ khóa trong, D quay trở lên xe gọi điện thoại cho T hỏi “nhà có ổ khóa trong, có người ngủ không”, T trả lời “khóa ngoài sao có người ngủ được, coi chừng nó lòn tay vào khóa trong”. D điện thoại cho T xong cùng N tiếp tục dùng kèm cắt khoen ổ khóa trong mở cửa chính ra, D vào trong mang bình ắc quy ra xe cho N sắp xếp lên

xe taxi đến khi xe không còn chỗ trống để chất bình được nữa thì cả 03 lên xe, lúc này là khoảng 03 giờ 15 phút cùng ngày, D kêu H chạy về hướng phường C, thành phố VL. Trên đường đi, D điện thoại cho T nói với T “lấy xong rồi, gặp giao ở đâu?”. T kêu D mang qua Tiền Giang vào quán cafe uống chờ T đến mua, trên đường đi đến giữa cầu Mỹ Thuận thì D mở kính xe rồi ném cây kiếm xuống sông. H điều khiển xe đến quán cà phê của bà Trần Thu Th1, sinh năm 1959, tại ấp MT, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang chờ T đến mua. Đến khoảng 05 giờ thì T đến nhận số bình của các bị cáo vừa trộm 28 cái và 02 cái mua chưa trả trước đó và thỏa thuận giá là 20.000.000 đồng. Sau đó H điều khiển xe Taxi chờ N về Vĩnh Long, T gọi xe khách 06 cái bình nhờ anh rể Trần Phương B1 nhận dùm và điện thoại nhờ anh vợ là Bạch Văn L1, sinh năm 1972, ngụ số Số Đ8/28A, khu phố 4, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh chạy xe ô tô xuống chở bình dùm T số bình vừa mua đến nhà mẹ vợ là Nguyễn Thị Quỳnh H3, sinh năm 1951, tại số Số D31/4, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để gửi. Sau đó D đi xe khách về Vĩnh Long. Do H không có tiền thanh toán với công ty taxi Mai Linh nên khoảng 06 giờ ngày 03-12-2016 T điện thoại kêu vợ mang 4.000.000 đồng ra công viên Mậu Thân, phường C, thành phố VL đưa cho H. Vào khoảng 14 giờ thì T hẹn D đến đầu lộ Bờ Gòn, phường L, thành phố VL trả cho D số tiền còn lại là 16.000.000 đồng. Tiền bán bình có được D chia cho N là 2.500.000 đồng, chia cho H tổng cộng 7.000.000 đồng (H thanh toán cho Công ty taxi Mai Linh hết 3.100.000 đồng, còn lại 3.900.000 đồng tiêu xài cá nhân), D còn lại là 10.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số: 02/HĐĐG, ngày 05/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Vĩnh Long xác định 28 bình ắc quy do các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 40.461.000 đồng.

Đối với lời trình bày của bị hại Võ Văn C bị mất tài sản tổng cộng 33 bình ắc quy. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã điều tra đầy đủ, toàn diện các chứng cứ có liên quan đến vụ án nhưng không đủ cơ sở kết luận số tài sản bị mất 33 bình như Võ Văn C trình bày.

Đối với số tài sản đã thu hồi được Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Long đã giao trả cho người bị hại Võ Văn C. Ngoài ra, anh C còn yêu cầu D, Nam, H và T phải bồi thường 05 cái bình bị mất tương đương số tiền là 12.491.000 đồng, Bạch Thị Cẩm H2 vợ bị cáo T đã đại diện các bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh Võ Văn C 12.491.000 đồng. Nay anh C không yêu cầu nào khác, chị Bạch Thị Cẩm H yêu cầu D, H và N cùng trả lại cho chị 9.000.000 đồng.

Đối với Bạch Văn L1, khi L1 điều khiển xe chở bình dùm T không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị Quỳnh H3 là mẹ vợ của T, bà H3 cho T gửi nhờ 28 bình ắc quy tại nhà, bà không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

Đối với anh Trần Phương B1: việc anh B1 đón xe khách để nhận dùm T 06 bình ắc quy và cất giữ dùm T thì B1 không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

- Đối với xe ô tô taxi M biển số 67L1 - 9461 mà Nguyễn Hoàng H sử dụng chở đồng bọn đi trộm cắp thì Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn M tại Vĩnh Long không biết nên Cơ quan điều tra không thu hồi để xử lý đối với chiếc xe ô tô trên.

Tại bản Cáo trạng số: 31/CT-VKS, ngày 04-5-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo: Nguyễn D và Nguyễn Hoàng H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Đoàn Việt N và Huỳnh Hữu T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Các bị cáo Nguyễn D, Đoàn Việt N, Nguyễn Hoàng H và Huỳnh Hữu T đã trình bày thừa nhận vào các ngày 27-11-2016 và 03-12-2016 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng miêu tả. Các bị cáo nhìn nhận hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, hứa sau này từ bỏ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và phát biểu quan điểm các vấn đề khác liên quan đến vụ án, đã khẳng định nội bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố đối với các bị cáo Nguyễn D, Nguyễn Hoàng H, Đoàn Việt N và Huỳnh Hữu T về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; phân tích đánh giá tác hại hành vi của bị cáo đã thực hiện, nhận định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Nguyễn D, Nguyễn Hoàng H, Đoàn Việt N và Huỳnh Hữu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt, đề nghị:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn D mức án tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng .

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Bị cáo Đoàn Việt N mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu T mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

Vật chứng đang tạm giữ: Căn cứ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 kèm cộng lực dài khoảng 30 cm; 01 ổ khóa màu vàng có chữ MINDY, khoen ổ khóa màu trắng có vết bị cắt; 01 mảnh kim loại khoen cửa.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1 màu đen, có Imel 1: 359765/04/431748/0, Imel 2: 359765/04/431749/8; 01 điện

thoại di động hiệu Nokia màu đen, có Imel 1: 354270/06/227998/0, Imel 2: 354270/06/227999/8 và 01 điện thoại di động hiệu Q-mobile màu đỏ đen.

Ghi nhận sự tự nguyện các bị cáo dùng số tiền đã nộp 9.000.000 đồng trả cho chị H2 (trong đó H tự nguyện 5.000.000 đồng, N 2.500.000 đồng, D 1.500.000 đồng).

Luật sư bào chữa cho bị cáo Huỳnh Hữu T nêu quan điểm: Thống nhất một phần nội dung Cáo trạng và một phần quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, đưa ra lập luận cho rằng bị cáo T chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 20.461.000 đồng. Vì bị cáo mua 28 cái bình với giá 20.000.000 đồng đây là phần của bị cáo nên đề nghị không truy tố xét xử trên tổng giá trị theo định giá 40.461.000 đồng, bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình hiện nuôi cha bị khuyết tật nặng về tâm thần, đang cùng vợ nuôi 02 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bản thân bị cáo thời gian dài là dân quân tự vệ có nhiều công sức đóng góp cho địa phương bảo vệ trật tự an ninh địa phương. Nên đề nghị áp dụng điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 31 Bộ luật Hình sự xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

Lời nói sau cùng của các bị cáo D, H, Nam và T: Các bị cáo đã thấy được hành vi đã thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Lời trình bày và khai nhận của các bị cáo Nguyễn D, Nguyễn Hoàng H, Đoàn Việt N và Huỳnh Hữu T tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu hồi được, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận rằng:

- Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 27-11-2016, Nguyễn Hoàng H điều khiển xe taxi M biển số 67L1 - 9461 chở bị cáo Nguyễn D đến thị xã B tìm tài sản trộm, sau đó H đậu xe chờ còn D thực hiện hành vi lén lúc trộm cắp cây mai vàng của người bị hại Nguyễn Thanh T2 gửi tại khuôn viên sân Đài phát thanh thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó cả hai bị cáo D và H đem cây mai lên xe taxi Mai Linh biển số 67L1 - 9461 (xe do H lái cho công ty xe M) rồi H điều khiển xe chở D cùng cây mai đến số 130, đường K, phường Đ, thành phố VL bán cho anh Nguyễn Văn V được 3.500.000 đồng, sau đó D chia cho H 2.000.000 đồng (trong đó trả tiền thuê xe 1.050.000 đồng, còn lại 950.000 đồng H tiêu xài cá nhân). Giá trị cây mai vàng theo kết luận định giá tại thời điểm trộm cắp là 15.000.000 đồng.

- Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 03-12-2016, Nguyễn Hoàng H điều khiển xe taxi M biển số 67L1 - 9461 chở các bị cáo Nguyễn D, Đoàn Việt N đi tìm tài sản để trộm cắp. Đến địa phận Tiền Giang, các bị cáo Nguyễn D, Đoàn Việt N sau khi quan sát đã có hành vi lén lúc dùng kèm cắt dây điện trộm cắp 02 bình ắc quy (ACCU) trên xe ô tô đầu kéo tại bãi xe Công ty TNHH ô tô H.A - Chi nhánh Tiền Giang tại ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản của Công ty TNHH ô tô

H.A, sau đó đem về Vĩnh Long bán 02 bình ắc quy cho Huỳnh Hữu T, chưa nhận được tiền sau đó bị bắt. Giá trị 02 bình Ắc quy theo kết luận định giá tại thời điểm bị trộm cắp là 5.400.000 đồng.

- Vào lúc 02 giờ 00 phút ngày 03-12-2016, Nguyễn Hoàng H điều khiển xe taxi M biển số 67L1 - 9461 chở các bị cáo Nguyễn D, Đoàn Việt N đến cửa hàng bán bình ắc quy Nguyên Võ của Nguyễn Văn C tại số 24, đường Đ, phường K, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long thực hiện hành vi lên lúc dùng kèm cộng lực cắt khoen ổ khóa cửa vào trong trộm cắp tất cả 28 bình ắc quy các loại đem ra xe taxi do H chờ sẵn chờ qua Tiền Giang để T bán tiêu thụ. Giá trị 28 bình ắc quy do các bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 40.461.000 đồng.

Trước và trong lúc tìm cách đột nhập vào cửa hàng bán bình của anh C thì D và T liên lạc bằng điện thoại di động để T thông tin hướng dẫn cho D và N thực hiện cắt khoen ổ khóa thực hiện hoàn thành tội phạm. Sau đó T đã đưa cho D 20.000.000 đồng để D chia cho H và N, cụ thể D chia cho H 7.000.000 đồng, H thanh toán tiền taxi cho công ty 3.100.000 đồng còn lại tiêu xài cá nhân, chia cho N 2.500.000 đồng, số còn lại D sử dụng cá nhân.

Như vậy trong 03 vụ trộm nêu trên bị cáo D và H đã thực hiện hành vi đồng phạm chiếm đoạt tài sản tổng giá trị là 60.861.000 đồng; bị cáo N đã thực hiện hành vi đồng phạm 02 vụ chiếm đoạt tài sản tổng giá trị là 45.861.000 đồng; bị cáo T đồng phạm thực hiện 01 vụ chiếm đoạt tài sản giá trị là 40.461.000 đồng.

Dấu hiệu hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn D và Nguyễn Hoàng H đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; các Bị cáo Đoàn Việt N và Huỳnh Hữu T đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố đối với các bị cáo và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Tội phạm do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm chiếm đoạt tài sản hợp pháp của những người bị hại Nguyễn Thanh T2 một cây mai vàng, Nguyễn Văn C chủ cửa hàng bán bình ắc quy Nguyên Võ 28 bình các loại và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH ô tô H.A 02 bình ắc quy xe ô tô tại bãi xe Công ty TNHH ô tô H.A - Chi nhánh Tiền Giang được pháp luật bảo vệ, hành vi này của các bị cáo còn gây mất trật tự an ở địa phương và nơi công cộng, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức rõ hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi, lười biếng lao động muốn hưởng thụ trên công sức lao động của người khác, ngoài ra bị cáo T do cạnh tranh không lành mạnh với cửa hàng Nguyên Võ nên đã giúp sức xúi dục bị cáo D trộm cắp tài sản của anh C rồi bị cáo mua lại giá rẻ để bán hạ giá cạnh tranh với anh C nên các bị cáo đã dẫn thân vào con đường phạm tội, cố ý thực hiện và mong muốn cho hậu quả xảy ra để có tiền tiêu xài, hành vi này thể hiện sự quyết tâm và xem thường pháp luật của các bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo đã thực hiện hành vi đồng phạm mang tính giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ và phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo. Xét

nhân thân, hậu quả và mức độ vai trò từng bị cáo thực hiện nên mỗi bị cáo chịu mức hình phạt khác nhau được đánh giá cụ thể từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo D, đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, trong các lần thực hiện tội phạm bị cáo đều là người khởi xướng rủ rê H, N và T thực hiện tội phạm, khi thực hiện hành vi bị cáo là người tích cực nhất và trực tiếp thực hiện hành vi, chuẩn bị sẵn phương tiện là kèm cộng lực, sau khi bán tài sản bị cáo đứng ra chia tiền và được hưởng lợi nhiều hơn các bị cáo khác. Do đó bị cáo phải chịu mức án cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo H, tuy không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nhưng là người điều khiển phương tiện chở các bị cáo đến địa điểm phạm tội và bán tài sản, được chia tiền nhiều hơn bị cáo N, số lần phạm tội nhiều hơn bị cáo N và T nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo N và T.

Đối với bị cáo N rất tích cực trực tiếp tham gia thực hiện 02 lần cùng ngày 03-12-2016 nên phải áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, trước khi thực hiện hành vi phạm tội đã chuẩn bị sẵn phương tiện là kèm cộng lực để thực hiện. Xét giá trị và số lần phạm tội ít hơn bị cáo D và H nên bị cáo phải chịu mức án thấp hơn bị cáo D và H nhưng có phần cao hơn bị cáo T.

Đối với bị cáo T, tuy bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi nhưng đã giúp sức cho bị cáo D và N, cụ thể đã tích cực hướng dẫn cách thức cho D và N tìm cách cắt ổ khóa cửa để D và N thực hiện hoàn thành tội phạm và hứa hẹn mua lại tài sản trộm để các bị cáo còn lại nhận tiền tiêu xài, sau khi phạm tội bị cáo là người tích cực khắc phục hậu quả thiệt hại, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi quyết định hình phạt có phần thấp hơn các bị cáo khác.

Để góp phần ổn định trật tự xã hội, trị an ở địa phương, đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm tương xứng mức độ và vai trò tham gia từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ, thiệt hại của anh C đã được các bị cáo khắc phục đầy đủ (vợ bị cáo T đứng ra bồi thường trước). Do đó áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T có nhân thân tốt mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là lao động chính trong gia đình hiện nuôi cha bị khuyết tật nặng về tâm thần, đang cùng vợ nuôi 02 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bản thân bị cáo thời gian dài là dân quân tự vệ có nhiều công sức đóng góp cho địa phương bảo vệ trật tự an ninh địa phương nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; bị cáo N đã đầu thú, có cha là Cựu chiến binh, bị cáo H và bị cáo D gia đình có công với Cách mạng nên áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho bị cáo D, H và bị cáo N.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo T có căn cứ chấp nhận một phần để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo nên được chấp Hội đồng xét xử chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T; đối với quan điểm lập luận của Luật sư đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Hội đồng xét xử

xét thấy giá trị tài sản phạm tội lớn, tình hình tội phạm này ngày càng gia tăng nếu việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là không thể đáp ứng tình hình rắn đe phòng chống tội phạm nên không chấp nhận lời bào chữa này của luật sư; Còn việc luật sư cho rằng bị cáo chịu trách nhiệm hình sự trên số tiền phạm tội 20.461.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Vì bị cáo đã có hành vi đồng phạm cùng các bị cáo chiếm đoạt tài sản là 28 bình ắc quy của anh C nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi đồng phạm trên giá trị tài sản chiếm đoạt được định giá là 40.461.000 đồng.

Do bị cáo H và bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử bị các cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của từng bị cáo bị truy tố xét xử cũng đủ rắn đe các bị cáo sau này và đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với trường hợp cụ thể của bị cáo H và bị cáo T.

[3]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Cơ quan điều tra trao trả lại tài sản, không còn yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bạch Thị Cẩm H2 (vợ của bị cáo T) là người đã đứng ra khắc phục bồi thường cho anh C số tiền 12.491.000 đồng trị giá 05 bình ắc quy. Tại phiên tòa, chị H2 xin vắng mặt nhưng có ý kiến yêu cầu các bị cáo D, H và N trả lại cho chị 9.000.000 đồng. Các bị cáo D, H và N đồng ý trả theo yêu cầu chị H2, trong đó của D chịu 1.500.000 đồng, bị cáo H tự nguyện chịu 5.000.000 đồng và bị cáo N chịu 2.500.000 đồng, các bị cáo đề nghị lấy từ số tiền đang tạm giữ để trả cho chị H2. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của các bị cáo lấy từ số tiền đang tạm giữ 9.000.000 đồng tuyên trả cho chị H2.

- Về xử lý vật chứng đang tạm giữ:

Đối với 03 điện thoại di động đang tạm giữ của các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội do đó tịch thu sung công quỹ Nhà nước; cây kềm cộng lực là công cụ thực hiện tội phạm, các thẻ sim điện thoại, 01 mảnh kim loại khoen ổ khóa và khoen ổ khóa không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Số tiền đang tạm giữ 9.000.000 đồng của các bị cáo nộp để khắc phục hậu quả (D nộp 1.500.000 đồng, H nộp 5.000.000 đồng, N nộp 2.500.000 đồng), do các bị cáo đề nghị nên tuyên trả số tiền này cho chị H2 như nhận định nêu trên.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn D, Nguyễn Hoàng H, Đoàn Việt N và Huỳnh Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1/. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn D 03 (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị tạm giữ - tạm giam ngày 07-12-2016.

2/. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

3/. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Bị cáo Đoàn Việt N 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị tạm giữ - tạm giam ngày 09-12-2016.

4/. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Hữu T** 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ - tạm giam từ ngày 07-12-2016 đến 26-12-2016.

II. Xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

* Vật chứng có trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28-4-2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long và Công an thành phố Vĩnh Long được xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy 01 kèm cộng lực dài khoảng 30 cm; 01 ổ khóa màu vàng có chữ MINDY, khoen ổ khóa màu trắng có vết bị cắt; 01 mảnh kim loại khoen cửa; 01 thẻ sim Mobifone bị cắt có số seri: 8401160251285016; 01 thẻ sim Mobifone có số seri: 8401-150992071531; 01 thẻ sim Vinaphone có số seri: 89840200021648638309 và 01 thẻ sim bị cắt.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1 màu đen, có Imel 1: 359765/04/431748/0, Imel 2: 359765/04/431749/8; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có Imel 1: 354270/06/227998/0, Imel 2: 354270/06/227999/8 và 01 điện thoại di động hiệu Q-mobile màu đỏ đen.

Tất cả 03 điện thoại nêu trên đã qua sử dụng, không có kiểm tra bên trong máy đã được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn Nhẹ và Huỳnh Thị Yến Ngọc.

* Số tiền đang tạm giữ do Công an thành phố Vĩnh Long nộp chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long theo biên lai thu số 003767 ngày 28-4-2017 xử lý như sau: Giao trả cho chị Bạch Thị Cẩm H2 số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

III. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội và phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo:

Buộc các bị cáo Nguyễn D, Nguyễn Hoàng H, Đoàn Việt N và Huỳnh Hữu T. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, vắng mặt những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo và trại giam;
- Tòa án tỉnh VL.
- Công an TPVL;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tuấn